

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP THEO TỔ HỢP XÉT TUYỂN

NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON - HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2026

Kỳ thi: Ngày 15/7/2026 và 04/8/2026

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT														Điểm ưu tiên (Khu vực + Đợt tương đương)	Điểm ưu tiên (Đã tính quy đổi)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú				
						K1-M1-Lớp 10	K2-M1-Lớp 10	K1-M1-Lớp 11	K2-M1-Lớp 11	K1-M1-Lớp 12	K2-M1-Lớp 12	K1-M2-Lớp 10	K2-M2-Lớp 10	K1-M2-Lớp 11	K2-M2-Lớp 11	K1-M2-Lớp 12	K2-M2-Lớp 12	KQ HT lớp 12	Điểm TBC Môn 1					Điểm TBC Môn 2	Điểm thi năng khiếu	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm xét tuyển
1	NK.001	Sùng Y	19/08/2008	M07	Ngư Văn, Địa Lý, NK	5,9	5,9	5,3	7,0	7,2	7,1	6,5	6,5	5,7	7,0	7,5	6,8	Khả	6,40	6,67	7,25	20,32	2,75	2,75	23,07	21,79	
2	NK.002	Bùi Mai	24/10/2007	M07	Ngư văn, Địa lý, NK	6,8	7,8	7,8	7,3	7,1	7,1	7,6	6,9	6,3	6,4	8,6	8,0	Khả	7,32	7,30	6,75	21,37	2,75	2,75	24,12	22,84	
3	NK.003	Bùi Thị Ngọc	23/01/2008	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK	6,7	7,2	7,1	7,2	7,6	7,4	6,3	6,9	7,1	5,5	5,8	7,0	Khả	7,20	6,43	7,50	21,13	2,75	2,75	23,88	22,60	
4	NK.004	Nguyễn Thị Lan	17/09/2008	M07	Ngư Văn, Địa Lý, NK	6,6	7,2	7,4	7,7	7,8	7,7	7,2	7,4	8,3	8,5	8,3	8,3	Khả	7,40	8,00	5,50	20,90	2,75	2,75	23,65	22,37	
5	NK.005	Nguyễn Ngọc Châu Anh	21/12/2008	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK	5,4	7,0	7,8	7,0	6,9	6,5	5,6	7,7	6,8	6,9	7,1	7,6	Khả	6,77	6,95	8,50	22,22	2,75	2,75	24,97	23,69	
6	NK.006	Bùi Thị Nguyệt	14/09/2008	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK	6,5	6,2	7,2	5,9	7,1	7,1	5,0	6,3	6,0	7,1	6,7	7,0	Khả	6,51	6,35	6,00	18,86	2,75	2,75	21,61	20,33	
7	NK.007	Đinh Thị Lan	07/11/2008	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK	6,7	7,1	6,8	7,1	7,4	6,1	5,3	6,4	7,4	8,0	7,2	7,3	Khả	6,87	6,93	6,75	20,55	2,75	2,75	23,30	22,02	
8	NK.008	Quách Thị Kim	03/08/2008	M07	Ngư Văn, Địa Lý, NK	6,2	6,3	6,0	6,4	6,1	7,0	5,5	7,2	7,9	6,5	7,2	7,7	Khả	6,33	7,00	6,25	19,58	2,75	2,75	22,33	21,05	
9	NK.009	Bùi Thị	01/07/2007	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK	6,6	6,9	6,3	6,5	6,8	7,1	7,1	6,9	6,4	6,0	5,9	7,0	Khả	6,70	6,55	8,50	21,75	2,75	2,75	24,50	23,22	
10	NK.010	Nguyễn Ngọc Anh	14/11/2007	M07	Ngư văn, Địa lý, NK	5,2	6,4	7,0	6,7	7,2	7,0	6,0	6,0	8,2	5,1	6,8	8,1	Khả	6,58	6,70	8,25	21,53	2,75	2,75	24,28	23,00	
11	NK.011	Bùi Ngọc Anh	23/02/2008	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK	5,4	5,6	6,5	6,4	7,5	6,9	5,6	6,4	7,2	6,4	5,5	6,7	Khả	6,38	6,30	6,75	19,43	2,75	2,75	22,18	20,90	
12	NK.012	Hà Thị Ngọc Anh	25/02/2008	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK	6,6	7,3	8,3	7,6	7,5	7,5	7,7	7,1	8,0	8,4	8,9	9,1	Tốt	7,47	8,20	7,00	22,67	2,75	2,69	25,36	24,08	
13	NK.013	Bùi Thị Thanh Bình	05/05/1999	M07	Ngư văn, Địa lý, NK	6,2	5,5	5,9	6,8	7,3	7,6	6,1	5,6	6,3	6,7	8,0	7,6	Khả	6,55	6,72	7,00	20,27	1,00	1,00	21,27	19,99	
14	NK.014	Phạm Quỳnh Chi	23/02/2006	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK	8,0	7,4	7,6	7,7	8,4	8,2	5,2	7,4	8,2	7,6	6,8	8,1	Khả	7,88	7,22							
15	NK.015	Hà Thị Chi	10/01/2007	M05	Ngư văn, Lịch sử, NK	7,6	7,9	7,4	7,0	7,4	7,1	5,9	7,0	6,8	7,2	7,9	7,5	Khả	7,40	7,05	7,75	22,20	2,75	2,75	24,95	23,67	
16	NK.016	Quách Quỳnh Chi	17/02/2008	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK													Khả	4,00	8,00	6,00	18,00	2,75	2,75		20,75	
17	NK.017	Quách Quỳnh Chi	11/02/2008	M07	Ngư Văn, Địa Lý, NK	4,1	5,5	6,4	7,3	7,1	7,5	6,8	5,9	6,8	6,3	8,0	7,5	Khả	6,32	6,88	9,00	22,20	2,75	2,75	24,95	23,67	
18	NK.018	Nguyễn Yên Chi	29/03/2007	M07	Ngư Văn, Địa Lý, NK	5,8	7,3	7,1	8,0	7,5	7,9	7,1	7,7	7,0	7,4	7,8	8,9	Tốt	7,27	7,65	8,50	23,42	2,75	2,41	25,83	24,55	
19	NK.019	Bùi Linh Đan	18/02/2008	M05	Ngư Văn, Lịch sử, NK													Khả	7,25	8,25	8,75	24,25	2,75	2,11		26,36	
20	NK.020	Bùi Anh Đào	19/03/2004	M05	Ngư văn, Lịch sử, NK	5,2	7,2	6,7	6,4	6,7	6,1	7,5	7,2	8,2	6,5	8,0	8,6	Khả	6,38	7,67	5,75	19,80	2,00	2,00	21,80	20,52	
21	NK.021	Bùi Thị Hồng Đào	31/07/2007	M10	Toàn, Tiếng Anh, NK	7,8	8,0	7,6	7,8	7,6	7,7	6,8	6,2	6,9	6,7	7,4	7,5	Khả	7,75	6,92	8,50	23,17	2,75	2,51	25,67	24,39	
22	NK.022	Bùi Thị Hồng Đào	27/01/2008	M07	Ngư Văn, Địa Lý, NK	7,4	7,2	7,4	7,1	7,7	7,6	7,8	7,3	8,0	8,2	7,8	8,6	Khả	7,40	7,95	9,50	24,85	2,75	1,89	26,74	25,54	
23	NK.023	Vũ Thị Hân Di	14/09/2007	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK	7,7	7,5	8,1	7,6	7,8	8,1	6,8	6,7	6,4	6,9	7,3	8,0	Tốt	7,80	7,02	9,25	24,07	2,75	2,18	26,24	24,96	
24	NK.024	Đỗ Huyền Diệu	17/06/2008	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK													Khả	7,00	8,25	6,50	21,75	2,75	2,75		24,50	
25	NK.025	Nguyễn Thị Huyền Dịu	18/04/2008	M05	Ngư Văn, Lịch sử, NK	7,6	7,2	7,4	7,2	7,4	7,4	8,2	8,0	8,0	8,7	8,5	7,3	Khả	7,37	8,12	8,75	24,23	0,75	0,58	24,81	23,53	
26	NK.026	Sùng Y Dừa	30/01/2007	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK													Khả	6,25	6,75	9,50	22,50	2,75	2,75		25,25	
27	NK.027	Bùi Thị Thùy Dung	13/07/2008	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK													Khả	8,00	6,75	7,25	22,00	2,75	2,75		24,75	
28	NK.028	Bùi Thùy Duyên	20/03/2008	M07	Ngư văn, Địa lý, NK	6,9	7,3	7,6	7,6	7,5	8,4	5,9	7,3	7,1	8,1	7,1	7,9	Khả	7,39	7,23	7,25	21,88	2,75	2,75	24,63	23,35	
29	NK.029	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	15/10/2007	M07	Ngư Văn, Địa lý, NK	8,0	8,7	8,3	8,4	9,0	8,7	8,3	8,1	8,1	8,6	8,8	8,6	Tốt	8,52	8,42	9,75	26,68	0,75	0,33	27,02	25,91	
30	NK.030	Bùi Thị Giang	07/08/2007	M05	Ngư Văn, Lịch Sử, NK	6,2	5,1	5,7	5,9	6,2	6,9	7,6	7,5	8,1	7,8	8,0	8,4	Khả	6,00	7,90	9,75	23,65	2,75	2,33	25,98	24,70	

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT												Điểm ưu tiên (Khu vực + Đợt tương đương)	Điểm ưu tiên (Đã tính học bạ)	Tổng điểm xét tuyển	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú						
						K1 - M1 - Lớp 10	K2 - M1 - Lớp 10	K1 - M1 - Lớp 11	K2 - M1 - Lớp 11	K1 - M1 - Lớp 12	K2 - M1 - Lớp 12	K1 - M2 - Lớp 10	K2 - M2 - Lớp 10	K1 - M2 - Lớp 11	K2 - M2 - Lớp 11	K1 - M2 - Lớp 12	K2 - M2 - Lớp 12											
31	NK.031	Bùi Thị Thu	Ha	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.5	8.2	8.5	8.5	8.3	8.3	6.9	6.9	8.3	7.7	7.6	7.1	7.4	Khả	8.22	7.50	8.50	24.22	2.75	2.12	26.34	25.06	
32	NK.032	Bùi Thị Ngọc	Ha	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	5.8	6.0	5.3	5.9	5.4	6.0	6.9	6.5	6.5	6.3	7.8	7.4	Khả	5.73	6.90	7.00	19.63	2.75	2.75	22.38	21.10		
33	NK.033	Nguyễn Thu	Ha	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	5.1	5.4	5.6	7.0	5.2	7.9	7.1	6.6	6.5	6.3	7.5	8.1	Khả	6.03	7.02	9.50	22.55	0.50	0.50	23.05	21.77		
34	NK.034	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	Ha	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5.6	6.0	6.1	5.8	7.2	7.3	6.4	7.0	7.2	7.6	7.7	7.6	Khả	6.33	7.25	6.25	19.83	2.75	2.75	22.58	21.30		
35	NK.035	Nguyễn Thanh	Ha	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7.3	7.6	8.0	7.7	8.5	8.1	6.4	7.3	8.2	8.4	8.3	8.5	Khả	7.87	7.85	6.75	22.47	2.75	2.75	25.22	23.94		
36	NK.036	Bùi Thị	Hàng	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.2	7.0	7.3	7.4	6.4	6.9	6.3	7.2	8.7	8.3	8.1	8.1	Khả	7.03	7.78	9.75	24.57	2.75	1.99	26.56	25.29		
37	NK.037	Đinh Thu	Hàng	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	8.0	8.5	8.1	8.2	8.3	8.5	8.9	7.5	8.6	9.2	8.8	8.6	Tốt	8.27	8.60	7.50	24.37	2.75	2.07	26.43	25.15		
38	NK.038	Nguyễn Thuý	Hàng	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7.4	6.7	7.1	8.2	7.0	8.6	7.1	6.5	6.8	8.3	8.4	8.5	Khả	7.50	7.60	7.25	22.35	0.75	0.75	23.10	21.82		
39	NK.039	Bùi Thị Minh	Hàng	M10	Toán, Tiếng Anh, NK	5.8	5.8	6.7	6.1	7.6	6.9	5.2	6.0	7.2	7.4	7.0	7.0	Khả	6.48	6.63	7.50	20.62	2.75	2.75	23.37	22.09		
40	NK.040	Bùi Thị	Hạnh	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5.8	4.6	5.9	6.1	6.5	6.8	5.6	7.5	7.5	6.1	6.8	7.3	Khả	5.95	6.80	8.50	21.25	2.00	2.00	23.25	21.97		
41	NK.041	Bùi Thị Bích	Hạnh	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.4	7.4	7.9	7.9	7.7	7.7	5.3	7.3	6.5	7.6	7.8	7.0	Khả	7.70	6.92	7.25	21.87	2.75	2.75	24.62	23.34		
42	NK.042	Vì Trần Mai	Hạnh	M10	Toán, Tiếng Anh, NK	6.7	7.4	7.6	7.3	7.8	8.3	6.7	8.1	7.0	7.6	8.5	8.2	Tốt	7.52	7.68	6.00	21.20	0.75	0.75	21.95	20.67		
43	NK.043	Bùi Hồng	Hạnh	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.3	6.6	8.2	8.1	7.5	8.2	7.6	8.3	8.1	7.8	8.1	8.0	Khả	7.65	7.98	6.50	22.13	2.75	2.75	24.88	23.60		
44	NK.044	Nguyễn Thu	Hào	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.0	6.8	6.9	7.9	6.3	6.5	4.8	6.6	6.3	7.4	6.1	6.3	Khả	6.73	6.25	7.50	20.48	2.00	2.00	22.48	21.20		
45	NK.045	Bùi Thị Thảo	Hiền	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.7	7.8	5.5	7.0	7.2	7.5	8.0	7.1	8.5	7.6	8.2	7.3	Khả	7.12	7.78	7.50	22.40	2.75	2.75	25.15	23.87		
46	NK.046	Bùi Thị Thu	Hiếu	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6.9	6.4	6.8	7.2	6.2	6.8	5.4	6.1	7.4	7.6	6.7	6.9	Khả	6.72	6.68	6.00	19.40	2.00	2.00	21.40	20.12		
47	NK.047	Vì Thị Hồng	Hoa	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	5.9	5.8	6.9	6.9	6.8	6.8	6.8	5.8	5.2	5.8	7.7	7.6	Khả	6.52	6.48	6.75	19.75	2.75	2.75	22.50	21.22		
48	NK.048	Nguyễn Thị Hương	Hoa	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5.6	5.7	6.8	7.5	5.3	7.5	6.0	6.6	7.0	6.6	7.0	7.6	Khả	6.40	6.80	6.00	19.20	1.50	1.50	20.70	19.42		
49	NK.049	Bùi Thị Thanh	Hoa	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Khả	7.75	7.50	6.50	21.75	2.75	2.75		24.50		
50	NK.050	Nguyễn Ngọc	Hoa	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.2	6.4	7.1	6.9	7.4	7.9	6.3	6.1	6.9	7.4	7.7	8.9	Tốt	6.98	7.22	7.00	21.20	0.50	0.50	21.70	20.42		
51	NK.051	Khà Y	Hoa	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	4.8	5.1	6.2	5.6	7.3	7.2	5.9	6.1	5.5	6.7	8.1	6.9	Khả	6.03	6.53	7.50	20.07	2.75	2.75	22.82	21.54		
52	NK.052	Lê Thị Thuý	Hoài	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	6.6	7.0	7.3	7.1	7.2	7.7	8.1	8.2	8.4	7.9	8.1	7.4	Khả	7.15	8.02	7.25	22.42	2.75	2.75	25.17	23.89		
53	NK.053	Đinh Thị	Hoàng	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	8.4	8.5	8.3	8.6	8.4	8.6	8.1	7.8	7.7	8.2	8.1	8.6	Tốt	8.47	8.08	9.00	25.55	2.75	1.63	27.18	26.14		
54	NK.054	Bùi Thu	Huệ	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7.4	7.1	6.5	7.1	7.0	8.6	7.1	6.8	6.6	7.4	7.8	8.2	Giỏi	7.28	7.32	7.00	21.60	2.00	2.00	23.60	22.32		
55	NK.055	Nguyễn Thị Lan	Hương	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6.3	6.7	6.9	7.7	6.0	7.8	7.3	7.2	7.0	7.9	7.6	8.7	Khả	6.90	7.62	6.75	21.27	1.50	1.50	22.77	21.49		
56	NK.056	Bùi Thị Thu	Hương	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	6.9	7.8	7.4	7.2	7.3	7.3	6.4	6.7	7.4	6.1	7.4	6.5	Khả	7.32	6.75	8.00	22.07	2.75	2.75	24.82	23.54		
57	NK.057	Đinh Thị Thu	Hương	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.7	7.1	6.9	7.7	7.1	7.4	6.5	6.3	7.4	6.9	8.4	8.1	Khả	7.32	7.27	7.75	22.33	2.75	2.75	25.08	23.80		
58	NK.058	Trần Diệu	Hương	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	8.0	8.0	7.8	8.3	8.6	8.4	8.7	8.1	8.0	8.0	8.5	8.2	Tốt	8.18	8.25	9.75	26.18	0.75	0.38	26.57	25.30		
59	NK.059	Bùi Thu	Hương	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.9	8.2	8.1	8.2	8.4	7.9	6.8	6.9	6.1	6.5	6.3	8.7	Khả	8.12	6.88	8.25	23.25	2.75	2.48	25.73	24.45		
60	NK.060	Nguyễn Thuý	Hương	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.1	6.4	5.6	6.0	6.5	6.5	5.4	5.4	5.6	5.2	8.1	8.2	Khả	6.18	6.32	4.00	16.50	0.00	0.00	16.50	11.52		
61	NK.061	Bùi Đình Ngọc	Huyền	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	6.4	6.8	6.2	6.1	6.6	7.1	6.8	6.9	7.2	7.0	7.3	6.7	Khả	6.53	6.98	7.25	20.77	2.75	2.75	23.52	22.24		
62	NK.062	Bùi Khánh	Huyền	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.4	6.8	6.8	6.8	7.1	7.5	6.0	6.1	5.8	6.9	7.3	7.0	Khả	7.07	6.52	6.75	20.33	2.75	2.75	23.08	21.80		
63	NK.063	Bùi Thị Thu	Huyền	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	5.6	6.1	5.4	6.7	6.8	7.0	6.3	6.0	7.3	6.1	7.6	8.8	Khả	6.27	7.02	7.25	20.53	2.00	2.00	22.53	21.25		
64	NK.064	Hà Thanh	Huyền	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7.0	8.5	7.7	6.9	7.6	8.2	7.8	7.7	7.9	8.8	9.2	9.4	Tốt	7.65	8.47	9.50	25.62	2.75	1.61	27.22	26.20		
65	NK.065	Bùi Thị Khánh	Huyền	M10	Toán, Tiếng Anh, NK	8.5	8.8	8.7	8.7	8.4	8.4	8.1	8.2	7.9	8.3	8.3	8.3	Tốt	8.58	8.18	9.75	26.52	2.75	1.28	27.79	26.98		
66	NK.066	Bùi Thị Huyền	Kim	M10	Toán, Tiếng Anh, NK	7.2	7.9	8.2	7.9	8.0	8.2	8.1	8.5	7.4	8.3	8.1	8.3	Khả	7.90	8.12	9.75	25.77	2.75	1.55	27.32	26.33		

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT												Giới	Điểm TBC Môn 1	Điểm TBC Môn 2	Điểm thi năng khiếu	Tổng điểm 3 môn	Điểm ưu tiên (Khu vực + Điểm tương)	Điểm ưu tiên (Đã tính quy đổi)	Tổng điểm xét tuyển	Tổng điểm xét tuyển điểm thi THPT	Ghi chú
						K1 - M1 - Lớp 10	K2 - M1 - Lớp 10	K1 - M1 - Lớp 11	K2 - M1 - Lớp 11	K1 - M1 - Lớp 12	K2 - M1 - Lớp 12	K1 - M2 - Lớp 10	K2 - M2 - Lớp 10	K1 - M2 - Lớp 11	K2 - M2 - Lớp 11	K1 - M2 - Lớp 12	K2 - M2 - Lớp 12										
67	NK.067	Bùi Thị Mai	05/10/2004	M10	Toán, Tiếng Anh, NK	6,9	8,2	7,4	8,4	8,0	8,0	6,5	7,2	7,5	7,5	7,8	7,7	Giỏi	7,82	7,37	7,50	22,68	2,00	1,95	24,63	23,35	
68	NK.068	Bùi Phương	27/01/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,2	7,6	8,0	8,0	7,3	7,1	6,7	6,8	8,8	8,8	6,8	7,9	Khá	7,53	7,63	6,00	21,17	2,75	2,75	23,92	22,64	
69	NK.069	Bùi Thị Mai	13/05/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,8	7,7	7,8	8,2	7,6	8,2	6,6	7,7	8,4	8,7	8,7	8,3	Tốt	7,88	8,07	7,00	22,95	2,75	2,59	25,54	24,26	
70	NK.070	Bùi Ngọc	04/03/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK													Khá	7,25	5,35	6,25	18,85	2,75	2,75		21,60	
71	NK.071	Bùi Thị Hồng	05/10/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Khá	7,50	8,00	7,25	22,75	2,75	2,66		25,41	
72	NK.072	Nguyễn Ngọc	20/07/2008	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	7,3	6,7	7,3	7,3	7,5	7,4	7,8	8,1	8,3	8,2	8,6	7,7	Khá	7,25	8,12	6,25	21,62	0,00	0,00	21,62	20,34	
73	NK.073	Nguyễn Hồng	09/11/2006	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	7,1	7,3	6,8	7,9	7,6	8,1	6,9	8,0	7,3	8,0	6,8	7,8	Khá	7,47	7,47	9,75	24,68	0,00	0,00	24,68	23,40	
74	NK.074	Doãn Khánh	05/01/2004	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,5	7,0	6,6	7,3	8,1	8,2	6,6	7,1	7,0	7,3	7,6	8,8	Giỏi	7,28	7,40	6,50	21,18	0,00	0,00	21,18	19,90	
75	NK.075	Hà Thị Thủy	22/10/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6,1	6,6	6,0	6,9	7,6	7,6	6,8	7,0	7,6	7,3	7,8	7,4	Khá	7,06	7,32	8,50	22,88	2,75	2,61	25,49	24,21	
76	NK.076	Hoàng Gia	17/07/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5,9	6,8	7,5	5,6	6,5	6,7	8,1	8,2	7,9	7,6	7,6	8,0	Khá	6,50	7,90	5,50	19,90	2,75	2,75	22,65	21,37	
77	NK.077	Bùi Hà	01/06/2008	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	7,1	8,1	7,6	7,1	7,6	7,0	7,3	6,6	6,1	6,3	8,6	7,0	Khá	7,42	6,98	7,25	21,65	2,75	2,75	24,40	23,12	
78	NK.078	Vàng Thủy	14/12/2007	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6,4	7,2	6,1	5,7	7,1	7,5	6,1	7,5	8,4	6,2	9,3	7,8	Khá	7,11	7,55	5,25	19,91	1,25	1,25	21,16	19,88	
79	NK.079	Bùi Thị Thảo	11/11/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,0	7,1	7,3	7,4	7,9	7,9	6,9	7,3	5,9	7,0	8,4	7,1	Khá	7,27	7,10	6,50	20,87	2,75	2,75	23,62	22,34	
80	NK.080	Hoàng Diệu	24/08/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	5,6	7,2	6,8	6,6	6,8	6,8	6,5	5,5	6,9	7,5	7,4	7,4	Khá	6,63	6,87	7,00	20,50	1,25	1,25	21,75	20,47	
81	NK.081	Bùi Thị Diệp	24/11/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK													Khá	6,00	5,25	7,50	18,75	2,75	2,75		21,50	
82	NK.082	Bạch Khanh	05/05/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,2	8,2	7,3	7,6	7,4	8,4	7,8	7,5	7,7	7,7	6,9	8,4	Khá	7,68	7,67	7,50	22,85	2,75	2,62	25,47	24,19	
83	NK.083	Bùi Hoàng	25/08/2008	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	6,2	7,1	7,1	6,5	7,7	8,2	6,1	5,9	6,5	6,8	6,4	7,4	Khá	6,83	6,52	6,75	20,09	2,75	2,75	22,84	21,56	
84	NK.084	Bùi Thị Thủy	03/04/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5,9	6,4	6,4	6,9	7,7	7,8	5,9	7,1	5,9	6,7	6,5	6,9	Khá	6,85	6,50	6,75	20,10	2,75	2,75	22,85	21,57	
85	NK.085	Nguyễn Thị Thanh	01/01/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,3	5,8	5,9	6,9	7,2	7,2	5,5	6,1	6,7	6,4	7,6	7,2	Khá	6,55	6,58	6,50	19,63	2,75	2,75	22,38	21,10	
86	NK.086	Bùi Thị	29/03/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,7	6,9	7,9	7,6	7,1	7,3	6,4	6,9	5,4	7,1	6,0	6,9	Khá	7,42	6,45	8,50	22,37	2,75	2,75	25,12	23,84	
87	NK.087	Vì Thị Mai	10/06/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	7,6	8,2	8,0	8,4	8,1	8,1	7,4	7,6	7,3	7,8	7,5	7,8	Tốt	8,07	7,57	9,25	24,88	2,75	1,88	26,76	25,56	
88	NK.088	Trần Khánh	27/04/2008	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	6,0	6,8	6,3	6,3	7,6	7,0	5,3	5,0	6,3	5,4	7,0	6,9	Khá	6,67	5,98	7,00	19,65	2,75	2,75	22,40	21,12	
89	NK.089	Nguyễn Cẩm	03/03/2006	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	5,4	5,8	6,7	7,2	6,6	7,2	5,8	7,7	6,2	8,7	7,6	8,7	Khá	6,48	7,45	8,00	21,93	2,00	2,00	23,93	22,65	
90	NK.090	Nguyễn Thị	09/11/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,2	6,7	7,1	6,9	7,7	6,8	6,6	6,2	8,1	7,4	8,0	7,6	Khá	6,90	7,32	6,50	20,72	2,75	2,75	23,47	22,19	
91	NK.091	Bùi Thị Tuyết	23/11/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,0	6,7	6,3	7,8	6,2	7,6	7,0	6,9	9,1	8,2	7,3	7,7	Khá	6,77	7,70	8,00	22,47	2,75	2,75	25,22	23,94	
92	NK.092	Bùi Ngọc	16/08/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,5	7,1	6,6	7,2	8,0	8,2	6,0	7,2	7,9	8,5	8,1	7,6	Khá	7,43	7,55	6,00	20,98	2,75	2,75	23,73	22,45	
93	NK.093	Nguyễn Thị Hoài	18/03/2007	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7,1	6,4	6,8	7,4	7,1	7,8	8,0	7,6	7,1	8,9	7,8	8,3	Khá	7,10	7,95	5,50	20,55	2,75	2,75	23,30	22,02	
94	NK.094	Bùi Thảo	14/09/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,5	7,3	7,8	7,3	8,0	8,3	6,3	7,1	8,1	7,6	7,1	8,1	Khá	7,70	7,38	8,50	23,58	2,75	2,35	25,94	24,66	
95	NK.095	Bùi Thị Giang	24/08/2007	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,0	7,3	5,9	7,1	6,0	7,5	5,3	6,6	6,2	6,1	7,0	6,6	Khá	6,63	6,30	7,75	20,68	2,75	2,75	23,43	22,15	
96	NK.096	Nguyễn Phương	26/09/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Khá	6,50	5,35	8,00	19,85	2,75	2,75		22,60	
97	NK.097	Mùa Y	27/01/2003	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	5,6	6,0	5,2	6,1	6,4	7,0	7,9	8,0	7,5	5,9	7,9	7,3	Khá	6,05	7,42	6,75	20,22	2,00	2,00	22,22	20,94	
98	NK.098	Nguyễn Linh	23/08/2008	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	6,7	6,1	6,0	6,9	7,6	8,2	5,9	6,6	7,9	8,0	7,7	7,9	Khá	6,92	7,33	6,75	21,00	2,75	2,75	23,75	22,47	
99	NK.099	Bùi Thị Thảo	19/06/2006	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,0	7,0	6,6	6,5	6,5	7,6	7,7	7,9	8,1	8,1	8,0	7,8	Khá	6,87	7,93	6,50	21,30	2,00	2,00	23,30	22,02	
100	NK.100	Nguyễn Diệu Kiều	01/09/2006	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,0	7,5	8,1	7,9	7,3	8,2	8,2	6,8	7,1	8,4	8,5	8,8	Khá	7,67	7,97	6,50	22,13	0,00	0,00	22,13	20,85	
101	NK.101	Phạm Thủy	25/10/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK													Khá	8,00	6,35	7,75	22,10	2,00	2,00		24,10	
102	NK.102	Lương Thị Kim	29/11/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK													Khá	7,50	7,00	8,75	23,25	0,75	0,68		23,93	

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT												Điểm ưu tiền (Khu vực + Đôi tương)	Điểm ưu tiền (Đã tính quy đổi)	Tổng điểm xét tuyển học bạ	Tổng điểm xét tuyển điểm thi THPT	Ghi chú				
						K1- M1 - Lớp 10	K2- M1 - Lớp 10	K1- M1 - Lớp 11	K2- M1 - Lớp 11	K1- M1 - Lớp 12	K2- M1 - Lớp 12	K1- M2 - Lớp 10	K2- M2 - Lớp 10	K1- M2 - Lớp 11	K2- M2 - Lớp 11	K1- M2 - Lớp 12	K2- M2 - Lớp 12						KQ HT lớp 12	Điểm TBC Môn 1	Điểm TBC Môn 2	Điểm thi năng khối
103	NK.103	Bùi Thị Kim	Ngân	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.1	8.0	8.0	7.7	7.3	8.1	5.7	7.0	7.1	7.8	7.4	7.8	Khả	7.70	7.13	24.33	2.75	2.08	26.41	25.13	
104	NK.104	Bùi Thu	Ngân	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	8.2	8.6	8.4	7.9	8.4	8.3	7.0	7.5	8.3	6.9	7.4	7.1	Khả	8.30	7.37	21.42	2.75	2.75	24.17	22.89	
105	NK.105	Bùi Thị Hồng	Ngân	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6.1	6.8	6.1	7.0	6.6	6.6	5.9	7.1	5.5	6.8	7.3	8.0	Khả	6.53	6.77	6.00	2.75	2.75	22.05	20.77	
106	NK.106	Tô Yên	Ngọc	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6.1	6.3	6.8	7.2	6.9	7.9	7.7	8.3	8.4	8.6	8.9	9.1	Khả	7.13	8.66	8.50	2.75	2.25	26.12	24.84	
107	NK.107	Bạch Thị	Ngọc	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6.8	7.3	7.6	7.7	8.0	8.1	7.7	7.4	8.1	8.1	8.4	9.3	Khả	7.58	8.17	7.00	2.00	1.93	24.68	23.40	
108	NK.108	Hà Ánh	Ngọc	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.9	7.0	6.7	7.1	7.5	7.8	5.7	5.8	6.6	8.1	7.8	8.1	Khả	7.00	7.02	6.00	2.75	2.75	22.77	21.49	
109	NK.109	Đỗ Ánh	Ngọc	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6.8	7.2	6.1	7.2	7.7	8.0	7.2	7.9	6.6	8.0	7.0	8.4	Khả	7.17	7.52	8.00	0.75	0.73	23.42	22.14	
110	NK.110	Đinh Thị Hồng	Ngọc	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6.0	6.6	6.9	6.0	7.2	7.2	7.3	6.6	7.2	7.3	6.3	7.6	Khả	6.85	7.05	7.75	2.00	2.00	23.65	22.37	
111	NK.111	Bùi Thị Hồng	Ngọc	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.3	7.1	7.0	7.5	7.6	7.2	6.6	6.9	8.3	7.7	8.2	7.6	Khả	7.12	7.55	7.75	2.75	2.75	25.17	23.89	
112	NK.112	Hà Anh	Ngọc	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.9	7.0	8.1	8.0	8.1	8.4	6.8	7.9	7.9	8.0	7.8	7.9	Khả	7.92	7.72	9.00	2.75	1.97	26.60	25.35	
113	NK.113	Đinh Hồng	Ngọc	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.9	7.0	8.1	8.0	8.1	8.4	6.8	7.9	7.9	8.0	7.8	7.9	Khả	7.25	7.75	7.50	0.75	0.75	23.25	23.25	
114	NK.114	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	5.0	5.9	6.1	5.9	6.5	6.3	6.7	5.9	7.2	7.7	7.7	8.6	Khả	5.95	7.30	7.50	0.75	0.75	21.50	20.22	
115	NK.115	Bùi Thị	Ngọc	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	5.8	4.7	5.8	6.5	6.4	5.4	5.8	6.6	6.6	7.0	7.5	8.5	Khả	5.77	7.00	7.00	2.00	2.00	21.77	20.49	
116	NK.116	Bùi Thị Linh	Ngọc	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	5.7	6.4	6.9	6.5	7.1	6.8	6.1	6.2	5.5	5.9	7.0	6.8	Khả	6.57	6.25	9.75	2.75	2.73	25.29	24.01	
117	NK.117	Nguyễn Thị Bích	Nhân	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	4.8	6.0	5.5	6.6	6.6	7.5	7.0	6.2	7.4	8.1	9.2	8.3	Tốt	6.93	7.70	6.50	0.75	0.75	21.88	20.60	
118	NK.118	Đinh Thủy	Nhân	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.6	7.8	8.0	8.2	7.8	7.8	7.1	8.3	7.3	6.9	7.3	8.2	Khả	7.87	7.52	6.75	2.75	2.75	24.88	23.60	
119	NK.119	Bùi Thủy	Nhân	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6.8	7.3	7.1	7.6	7.1	7.8	7.1	6.3	5.6	7.1	6.8	6.3	Khả	7.28	6.53	7.00	2.00	2.00	22.82	21.54	
120	NK.120	Bùi Thảo	Nhì	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.5	6.5	6.9	7.0	6.8	7.6	4.7	5.8	6.3	7.6	7.4	7.6	Khả	6.88	6.57	6.50	2.75	2.75	22.70	21.42	
121	NK.121	Bùi Thị Yên	Nhì	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	8.3	6.9	7.1	7.5	8.0	7.3	7.4	7.2	7.0	7.5	6.5	7.8	Khả	7.52	7.23	7.75	2.75	2.75	25.25	23.97	
122	NK.122	Đinh Yên	Nhì	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	6.5	7.0	6.5	6.6	7.4	7.2	7.0	6.8	7.2	7.4	7.2	7.8	Khả	6.87	7.23	6.25	1.50	1.50	21.85	20.57	
123	NK.123	Trần Thị Yên	Nhì	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5.9	6.0	5.8	6.0	7.3	7.6	6.1	5.7	5.4	5.6	7.2	7.4	Khả	6.43	6.23	7.25	0.75	0.75	20.67	19.39	
124	NK.124	Hà Quỳnh	Như	M00	Ngữ văn, Toán, NK	6.5	5.5	6.6	6.5	8.0	8.2	7.1	7.6	7.9	8.4	7.3	7.8	Tốt	6.88	7.68	9.75	2.75	2.08	26.40	25.12	
125	NK.125	Bùi Quỳnh	Như	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6.6	6.5	6.6	6.8	6.2	6.8	6.9	7.1	6.5	6.8	7.3	7.7	Khả	6.58	7.05	8.25	2.75	2.75	24.63	23.35	
126	NK.126	Hà Quỳnh	Như	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	7.6	6.7	5.3	5.8	7.1	7.2	6.7	6.1	4.5	6.1	7.9	7.2	Khả	6.62	6.42	7.50	2.75	2.75	23.28	22.00	
127	NK.127	Lý Thị	Nhung	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.7	7.7	7.3	6.6	7.4	8.3	8.4	8.2	7.5	7.7	7.2	8.1	Khả	7.50	7.85	8.75	2.75	2.16	26.26	24.98	
128	NK.128	Nguyễn Hồng	Nhung	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.3	6.8	7.0	7.3	7.3	8.1	8.3	7.9	8.9	8.9	9.0	8.7	Tốt	7.13	8.62	8.50	0.00	0.00	24.25	22.97	
129	NK.129	Bùi Thị Hồng	Nhung	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6.2	6.7	6.7	7.4	7.2	7.2	6.1	6.1	7.9	7.8	7.3	7.9	Khả	6.90	7.18	6.75	2.00	2.00	22.83	21.55	
130	NK.130	Bùi Thị	Nội	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.1	6.7	7.8	8.1	7.4	7.7	7.5	7.1	9.3	9.2	8.0	8.3	Khả	7.30	8.23	7.50	2.75	2.55	25.59	24.31	
131	NK.131	Nguyễn Thị Kim	Oanh	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.2	7.0	7.1	6.9	6.8	7.4	5.9	7.1	6.7	6.0	7.1	8.0	Khả	7.07	6.80	7.25	2.75	2.75	23.87	22.59	
132	NK.132	Bùi Thanh	Phuong	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.4	7.3	6.6	7.6	8.0	8.1	7.9	8.2	9.1	9.0	9.7	9.8	Giỏi	7.33	8.95	7.25	2.00	1.72	25.26	23.98	
133	NK.133	Bùi Thị Lan	Phuong	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.2	7.6	8.3	8.0	8.2	8.2	8.0	8.4	8.2	8.0	8.4	8.4	Tốt	7.92	8.23	7.00	2.75	2.51	25.66	24.38	
134	NK.134	Bùi Thị Lan	Phuong	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.1	6.2	6.8	6.7	7.2	8.4	7.6	7.9	7.8	8.1	7.5	8.0	Khả	6.90	7.82	6.50	2.75	2.75	23.97	22.69	
135	NK.135	Đinh Thị	Phuong	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	7.4	7.4	7.2	7.3	6.7	7.1	6.3	7.3	7.1	7.4	7.8	7.8	Khả	7.18	7.28	9.00	2.00	1.74	25.21	23.93	
136	NK.136	Bach Kim	Phuong	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	8.2	8.2	8.0	7.7	7.8	8.6	6.6	8.1	7.4	7.1	8.2	8.1	Khả	8.08	7.58	7.75	2.75	2.41	25.83	24.55	
137	NK.137	Bùi Bích	Phuong	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	7.2	7.8	6.8	7.7	7.8	7.2	6.4	8.0	8.2	8.1	7.9	8.0	Khả	7.42	7.77	9.50	2.75	1.95	26.63	25.39	
138	NK.138	Đinh Thị Hồng	Quyen	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.6	6.4	5.4	6.6	6.8	7.2	6.5	7.4	6.8	6.9	7.2	7.1	Khả	6.33	6.98	7.25	0.75	0.75	21.32	20.04	

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT												Điểm TBC Môn 1	Điểm TBC Môn 2	Điểm thi năng khiếu	Tổng điểm 3 môn	Điểm ưu tiên (Khu vực + Đợt tương)	Điểm ưu tiên (Đã tính quy đổi)	Tổng điểm xét tuyển học bạ	Tổng điểm xét tuyển điểm thi THPT	Ghi chú	
						K1-M1-Lớp 10	K2-M1-Lớp 10	K1-M1-Lớp 11	K2-M1-Lớp 11	K1-M1-Lớp 12	K2-M1-Lớp 12	K1-M2-Lớp 10	K2-M2-Lớp 10	K1-M2-Lớp 11	K2-M2-Lớp 11	K1-M2-Lớp 12	K2-M2-Lớp 12										KQ HT lớp 12
139	NK.139	Nguyễn Thị Mỹ	10/06/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	7.7	8.3	8.3	8.5	8.4	8.5	8.1	8.2	8.1	8.3	9.1	8.8	Tốt	8.28	8.43	7.00	23.72	2.75	2.30	26.02	24.74	
140	NK.140	Bùi Ngọc	24/06/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6.7	7.5	7.6	7.9	8.3	8.2	6.1	6.3	6.6	6.8	7.6	8.3	Khá	7.70	6.95	6.25	20.90	2.75	2.75	23.65	22.37	
141	NK.141	Đinh Hồng	26/01/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	8.0	8.1	8.4	8.5	9.2	9.2	8.2	8.3	8.1	8.4	8.4	8.9	Tốt	8.57	8.38	6.50	23.45	2.75	2.40	25.85	24.57	
142	NK.142	Hoàng Như	19/09/2006	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.6	5.7	7.3	6.7	7.7	8.6	7.1	7.4	6.9	9.0	9.1	Khá	6.95	8.02	5.75	20.72	1.00	1.00	21.72	20.44		
143	NK.143	Đinh Ngọc	17/07/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6.6	6.8	6.9	7.1	7.6	7.8	6.2	6.9	7.2	7.2	8.3	7.3	Khá	7.13	7.18	7.50	21.82	0.75	0.75	22.57	21.29	
144	NK.144	Nguyễn Thị Như	17/04/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Khá	6.25	4.45	7.00	17.70	2.75	2.75		20.45	
145	NK.145	Bùi Thị Như	27/10/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.0	6.4	7.8	6.6	8.3	8.0	7.0	7.2	6.1	7.4	8.6	6.4	Khá	7.35	7.12	5.75	20.22	2.75	2.75	22.97	21.69	
146	NK.146	Bùi Thị Thanh	21/01/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.9	7.0	7.2	7.1	6.8	6.8	6.6	7.6	7.4	8.0	7.0	7.3	Khá	6.97	7.32	6.75	21.03	2.75	2.75	23.78	22.50	
147	NK.147	Bùi Thị	20/01/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5.8	6.2	4.4	7.0	5.4	6.3	3.7	4.3	4.7	6.2	5.6	6.1	Khá	6.25	4.45							
148	NK.148	Đinh Thị	04/11/2003	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	5.8	6.2	6.4	6.7	7.4	8.0	6.0	6.6	7.1	6.1	5.3	7.3	Khá	6.75	6.40	9.00	22.15	2.00	2.00	24.15	22.87	
149	NK.149	Bùi Thị Hồng	16/05/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	8.7	8.6	8.2	8.7	8.4	8.4	6.6	8.7	8.2	8.5	7.2	6.9	Khá	8.50	7.68	8.00	24.18	2.75	2.13	26.32	25.04	
150	NK.150	Lê Thị	18/03/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6.8	7.3	8.0	8.2	7.8	8.4	7.6	9.0	8.6	8.8	8.0	9.1	Tốt	7.75	8.52	8.25	24.52	0.75	0.55	25.07	23.79	
151	NK.151	Hà Thị Lê	05/07/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6.7	7.1	6.8	7.4	7.2	7.0	6.9	5.7	7.8	6.3	8.0	7.3	Khá	7.03	7.00	8.75	22.78	2.75	2.65	25.43	24.15	
152	NK.152	Bùi Thị Phương	11/11/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	6.3	6.4	5.7	6.0	6.3	7.3	8.0	6.6	8.0	8.2	7.7	8.3	Khá	6.33	7.80	6.00	20.13	2.75	2.75	22.88	21.60	
153	NK.153	Triệu Minh	02/01/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Khá	5.50	4.60	6.75	16.85	2.75	2.75		19.60	
154	NK.154	Lương Thị Phương	25/09/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	7.2	7.2	7.9	6.7	7.7	7.0	7.5	7.5	7.6	7.4	8.1	7.9	Khá	7.28	7.67	8.50	23.45	2.75	2.40	25.85	24.57	
155	NK.155	Bùi Phương	12/01/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.1	8.0	8.1	8.6	7.4	7.6	6.6	7.5	9.0	9.3	8.4	8.1	Khá	7.80	8.15	7.75	23.70	2.75	2.31	26.01	24.73	
156	NK.156	Trần Phương	19/04/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.4	8.3	8.1	7.6	8.0	8.1	6.7	7.3	7.7	8.1	8.5	8.6	Khá	7.92	7.82							
157	NK.157	Nguyễn Phương	03/12/2007	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	7.6	7.1	7.2	7.9	8.0	7.8	6.5	6.8	7.8	7.9	8.8	8.5	Khá	7.60	7.72	9.75	25.07	0.75	0.49	25.56	24.28	
158	NK.158	Bùi Minh	06/04/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.0	7.5	7.6	7.2	6.8	7.4	6.9	7.5	8.2	9.1	8.8	7.9	Khá	7.25	8.07	6.25	21.57	2.75	2.75	24.32	23.04	
159	NK.159	Đinh Thanh	26/07/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7.5	7.3	7.1	7.5	7.6	8.5	6.0	7.2	6.6	7.4	7.4	8.4	Khá	7.58	7.17	7.75	22.50	2.75	2.75	25.25	23.97	
160	NK.160	Bùi Thị Diệu	23/08/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Khá	6.25	6.25	7.75	20.25	2.75	2.75		23.00	
161	NK.161	Trịnh Phương	03/04/2005	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5.6	6.1	6.5	6.7	6.5	6.8	5.8	7.1	6.5	6.3	6.8	7.7	Khá	6.37	6.70							
162	NK.162	Lô Phương	07/06/2007	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	5.7	6.1	5.2	4.6	7.7	7.9	7.4	7.4	7.9	7.3	7.3	7.0	Khá	6.20	7.38	7.25	20.83	2.75	2.75	23.58	22.30	
163	NK.163	Bùi Thanh	23/12/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7.7	8.1	8.0	8.1	8.4	8.7	8.2	8.3	8.3	8.8	9.1	9.1	Tốt	8.17	8.63	9.00	25.80	2.75	1.54	27.34	26.36	
164	NK.164	Bùi Thị Phương	29/01/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.7	6.9	7.7	7.2	8.0	7.7	7.6	8.2	9.0	9.3	7.6	8.7	Khá	7.37	8.40	8.75	24.52	2.75	2.01	26.53	25.25	
165	NK.165	Hoàng Bảo	31/01/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.8	8.3	7.9	8.4	8.3	7.8	7.9	8.1	7.5	8.2	6.8	8.1	Tốt	8.08	7.77	7.25	23.10	0.75	0.69	23.79	22.51	
166	NK.166	Bùi Thị Anh	02/10/2007	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7.7	6.4	5.3	6.1	5.7	6.5	5.9	5.1	6.0	5.6	6.9	6.2	Khá	6.28	5.95	7.25	19.48	2.75	2.75	22.23	20.95	
167	NK.167	Bùi Thị Kim	14/04/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5.8	6.9	6.5	6.5	6.7	7.3	6.6	6.0	7.1	7.1	7.7	7.4	Khá	6.62	6.98	6.75	20.35	2.75	2.75	23.10	21.82	
168	NK.168	Quách Thị	10/04/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7.7	9.1	7.8	7.8	7.8	8.3	7.1	8.1	7.2	8.0	7.8	8.3	Khá	8.08	7.75	6.50	22.33	2.75	2.75	25.08	23.80	
169	NK.169	Vũ Hoài	13/09/2004	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.5	5.8	6.3	7.4	7.0	7.0	5.9	7.4	6.9	6.9	7.8	8.0	Khá	6.67	7.15	9.75	23.57	2.00	1.72	25.28	24.00	
170	NK.170	Lý Thị Hoài	20/10/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.5	6.5	7.6	7.5	8.0	7.9	6.5	7.2	6.9	7.6	7.7	7.7	Khá	7.33	7.27	6.75	21.35	2.75	2.75	24.10	22.82	
171	NK.171	Nguyễn Thị Mai	21/09/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7.0	7.3	7.4	7.3	7.7	7.3	6.3	6.1	7.4	7.0	8.1	7.4	Khá	7.33	7.05	7.00	21.38	2.75	2.75	24.13	22.85	
172	NK.172	Bùi Thị	21/10/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.1	6.7	6.5	8.0	8.1	8.8	5.6	7.2	6.7	7.2	8.0	8.1	Tốt	7.37	7.13	9.00	23.50	2.75	2.38	25.88	24.60	
173	NK.173	Bùi Anh	18/11/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	7.0	6.6	5.9	5.8	6.0	6.5	6.2	6.2	6.6	7.9	7.8	6.2	Khá	6.30	6.82	6.75	19.87	2.75	2.75	22.62	21.34	
174	NK.174	Bàn Thị Thanh	12/11/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6.7	6.9	7.4	7.5	7.1	7.5	7.1	8.4	7.9	7.3	8.5	8.9	Khá	7.18	8.02	7.25	22.45	2.75	2.75	25.20	23.92	

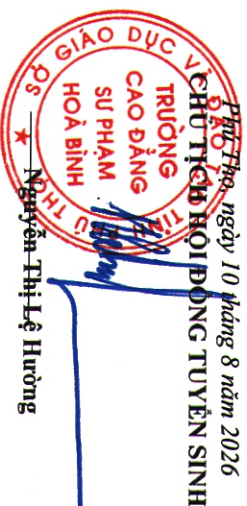
TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Mã hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT												Điểm ưu tiên (Khu vực + Đợt tương đương)	Điểm ưu tiên (Đã tính học bạ)	Tổng điểm xét tuyển điểm thi THPT	Ghi chú						
						K1- M1- Lớp 10	K2- M1- Lớp 10	K1- M1- Lớp 11	K2- M1- Lớp 11	K1- M1- Lớp 12	K2- M1- Lớp 12	K1- M2- Lớp 10	K2- M2- Lớp 10	K1- M2- Lớp 11	K2- M2- Lớp 11	K1- M2- Lớp 12	K2- M2- Lớp 12					KQ HT lớp 12	Điểm TBC Môn 1	Điểm TBC Môn 2	Điểm thi năng khiếu	Tổng điểm 3 môn	
175	NK.175	Bùi Thị Thu	30/11/2007	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,8	6,5	5,4	6,4	6,3	6,9	6,4	6,5	7,2	7,2	7,9	7,9	Khả	6,38	7,18	8,50	22,07	2,75	2,75	24,82	23,54	
176	NK.176	Bàn Thị Kim	06/05/2008	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	6,9	7,0	7,5	7,5	7,9	8,0	5,4	6,3	6,1	6,7	6,7	6,8	Khả	7,47	6,33	6,50	20,30	2,75	2,75	23,05	21,77	
177	NK.177	Bùi Thị Thu	23/05/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,7	7,7	8,3	8,0	8,3	8,3	7,4	7,2	8,1	9,0	8,3	8,1	Khả	7,88	8,02	6,50	22,40	2,75	2,75	25,15	23,87	
178	NK.178	Hà Phương	15/09/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7,0	7,4	6,8	7,2	7,6	7,9	6,4	6,2	7,3	8,0	7,7	9,2	Khả	7,32	7,47	8,75	23,53	2,75	2,37	25,90	24,62	
179	NK.179	Bùi Thị Thanh	15/09/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6,1	6,1	8,0	8,0	7,5	8,1	6,6	6,6	8,2	8,6	7,8	7,9	Khả	7,30	7,62	7,00	21,92	2,75	2,75	24,67	23,39	
180	NK.180	Đà Thanh	14/09/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK													Khả	5,25	8,25	6,00	19,50	2,75	2,75		22,25	
181	NK.181	Bùi Thị Thu	21/11/2001	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7,4	6,9	6,5	6,8	7,2	6,9	6,1	7,5	7,8	7,8	8,1	8,5	Khả	6,95	7,63	7,00	21,58	2,00	2,00	23,58	22,30	
182	NK.182	Nguyễn Thủy	19/12/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK													Khả	5,75	9,00	9,75	24,50	0,75	0,55		25,05	
183	NK.183	Trần Thủy	23/07/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK													Tốt	8,50	9,25	7,50	25,25	0,75	0,48		25,73	
184	NK.184	Bùi Huyền	13/06/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK													Khả	7,50	5,75	8,00	21,25	2,75	2,75		24,00	
185	NK.185	Bùi Thị Huyền	28/01/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6,9	6,7	6,6	6,2	6,7	6,9	5,4	5,4	5,9	5,1	7,7	7,5	Khả	6,67	6,17	7,00	19,83	2,75	2,75	22,58	21,30	
186	NK.186	Bùi Ngọc	30/10/2007	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	4,9	5,3	6,3	6,6	6,4	6,7	6,2	5,6	5,1	5,6	5,6	7,3	Khả	6,03	5,90	6,00	17,93	2,75	2,75	20,68	19,40	
187	NK.187	Bùi Thị	01/03/2004	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,9	6,9	7,4	7,1	7,8	7,4	7,8	7,9	8,9	8,4	8,8	9,1	Khả	7,25	8,48	7,50	23,23	2,00	1,80	25,04	23,76	
188	NK.188	Bàn Kiều	13/06/2004	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,0	7,1	6,0	6,8	5,6	7,1	5,8	7,4	6,8	7,6	6,9	8,0	Khả	6,43	7,08	7,00	20,52	2,00	2,00	22,52	21,24	
189	NK.189	Đỗ Huyền	22/12/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK													Khả	7,50	7,00	9,75	24,25	2,75	2,11		26,36	
190	NK.190	Lương Huyền	01/05/2003	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,5	6,6	5,5	6,3	6,4	6,8	6,3	6,9	6,3	7,8	8,2	7,2	Khả	6,35	7,12	8,75	22,22	0,00	0,00	22,22	20,94	
191	NK.191	Hà Huyền	04/07/2006	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,6	6,6	5,8	6,8	7,2	8,1	6,6	7,1	7,7	8,4	8,2	8,4	Khả	6,85	7,73	9,75	24,33	2,00	1,51	25,84	24,56	
192	NK.192	Nguyễn Kiều	28/03/2003	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	5,7	5,7	5,6	5,9	6,0	5,5	7,3	7,3	5,9	7,9	6,3	7,7	Khả	5,73	7,07	7,50	20,30	2,00	2,00	22,30	21,02	
193	NK.193	Lô Lương Nhật	19/09/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	5,1	6,1	6,3	6,0	5,8	6,3	5,3	6,6	7,0	5,5	6,4	7,9	Khả	5,93	6,45	6,00	18,38	2,75	2,75	21,13	19,85	
194	NK.194	Bùi Thị Ánh	24/12/2006	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,1	5,4	5,8	4,8	5,3	7,3	6,1	6,8	5,7	6,1	7,3	8,1	Khả	5,78	6,68	7,00	19,47	2,00	2,00	21,47	20,19	
195	NK.195	Bùi Thị Minh	23/03/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,9	6,9	7,8	7,6	8,0	8,3	7,6	7,1	7,3	8,9	7,6	8,2	Khả	7,58	7,78	7,00	22,37	2,75	2,75	25,12	23,84	
196	NK.196	Đinh Thị Thu	10/11/2006	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7,0	7,3	6,4	6,4	6,9	7,7	6,5	8,1	4,3	8,1	8,0	7,3	Khả	6,95	7,05	7,50	21,50	2,00	2,00	23,50	22,22	
197	NK.197	Lương Thị Tố	22/03/2007	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,9	6,5	6,2	7,1	5,6	6,1	6,0	6,6	5,1	5,7	6,1	7,5	Khả	6,40	6,17	7,00	19,57	2,75	2,75	22,32	21,04	
198	NK.198	Bùi Thị Hồng	29/11/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,3	6,6	5,0	7,1	7,6	7,2	6,3	6,2	8,0	8,3	7,8	6,8	Khả	6,63	7,23	9,50	23,37	2,75	2,43	25,80	24,52	
199	NK.199	Quách Bùi Ngọc	13/10/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,8	7,4	7,3	6,8	7,1	8,0	8,3	7,8	8,0	8,3	8,6	9,3	Tốt	7,23	8,38	9,25	24,87	2,75	1,88	26,75	25,55	
200	NK.200	Hà Phương	16/11/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,8	6,3	6,2	7,3	7,1	8,2	6,9	6,2	6,0	7,4	7,0	8,3	Khả	6,98	6,97	7,75	21,70	2,75	2,75	24,45	23,17	
201	NK.201	Bùi Hà	10/03/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	7,9	8,0	7,5	8,1	7,7	7,8	7,7	8,1	7,9	8,1	7,1	7,8	Khả	7,83	7,78	8,00	23,62	2,75	2,34	25,96	24,68	
202	NK.202	Chu Bạch Thị Hà	28/05/2008	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	5,7	6,4	7,3	6,6	7,3	7,5	5,7	7,0	6,2	6,5	6,9	7,4	Khả	6,80	6,62	9,00	22,42	2,75	2,75	25,17	23,89	
203	NK.203	Hà Khanh	17/12/2008	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	7,0	6,9	6,8	7,8	6,9	7,6	7,0	7,7	6,2	6,2	8,1	7,9	Khả	7,17	7,18	7,50	21,85	2,75	2,75	24,60	23,32	
204	NK.204	Nguyễn Thị Hà	30/12/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,4	7,0	6,3	6,8	6,5	7,5	7,4	7,9	7,9	8,1	8,3	8,5	Khả	6,75	8,02	7,75	22,52	2,75	2,74	25,26	23,98	
205	NK.205	Phạm Hà	26/05/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6,6	6,1	6,1	6,1	7,3	6,9	7,9	8,2	7,8	8,0	8,6	9,1	Tốt	6,52	8,27	7,00	21,78	0,75	0,75	22,53	21,25	
206	NK.206	Bùi Phương	07/10/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,9	6,7	7,0	7,4	7,5	8,2	7,9	7,5	8,7	7,4	7,6	7,8	Khả	7,28	7,82	7,50	22,60	2,75	2,71	25,31	24,03	
207	NK.207	Nguyễn Thị Thanh	10/03/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	7,4	7,3	7,6	7,7	7,6	7,6	7,7	7,3	6,5	7,7	6,7	8,1	Khả	7,53	7,33	7,25	22,12	2,75	2,75	24,87	23,59	
208	NK.208	Bùi Thị	15/04/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,2	6,7	6,9	7,1	7,1	7,3	7,0	7,6	8,1	7,9	8,2	8,7	Khả	6,88	7,92	7,25	22,05	2,75	2,75	24,80	23,52	
209	NK.209	Bùi Chiêu	16/01/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	8,7	8,3	8,3	8,0	7,4	7,4	7,5	7,4	8,3	8,2	8,1	8,1	Khả	8,02	7,93	6,75	22,70	2,75	2,68	25,38	24,10	
210	NK.210	Đinh Thị Xuân	26/01/2008	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6,6	6,6	6,2	6,7	6,1	7,1	6,8	6,0	7,6	8,1	7,8	7,7	Khả	6,64	7,33	6,50	20,47	2,75	2,75	23,22	21,94	

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT												Điểm ưu tiên (Khu vực + Đợt tương)	Điểm ưu tiên (Đã tính quy đổi)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú						
						K1 - M1 - Lớp 10	K2 - M1 - Lớp 10	K1 - M1 - Lớp 11	K2 - M1 - Lớp 11	K1 - M1 - Lớp 12	K2 - M1 - Lớp 12	K1 - M2 - Lớp 10	K2 - M2 - Lớp 10	K1 - M2 - Lớp 11	K2 - M2 - Lớp 11	K1 - M2 - Lớp 12	K2 - M2 - Lớp 12					KQ HT lớp 12	Điểm TBC Môn 1	Điểm TBC Môn 2	Điểm thi năng khiếu	Tổng điểm 3 môn	
211	NK.211	Sùng Thị Như Ý	03/11/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	4.4	5.0	6.3	6.1	7.4	7.4	5.4	4.9	7.3	7.0	7.6	7.1	Khá	6.10	6.55	6.75	19.40	2.75	2.75	22.15	20.87	
212	NK.212	Đình Hải Yến	21/09/2004	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	7.1	7.3	6.7	7.1	7.3	7.5	6.3	7.2	6.7	7.1	6.5	8.0	Khá	7.17	6.97	8.00	22.13	2.00	2.00	24.13	22.85	
213	NK.213	Bùi Thị Hải Yến	04/01/2005	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.0	7.7	6.5	7.0	7.5	7.5	7.0	8.2	8.2	8.6	7.8	9.0	Khá	7.20	8.13	9.00	24.33	2.00	1.51	25.84	24.56	
214	NK.214	Nguyễn Thị Hải Yến	06/11/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5.8	7.0	7.1	7.3	7.5	6.1	6.8	7.5	7.9	8.1	8.2	7.2	Khá	6.80	7.62	7.75	22.17	0.75	0.75	22.92	21.64	
215	NK.215	Bàn Thị Hải Yến	09/08/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Tốt	7.25	7.75	7.50	22.50	2.75	2.75		25.25	
216	NK.216	Đình Thị Hải Yến	14/07/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	7.7	7.3	7.9	7.4	8.0	8.0	7.2	8.2	8.2	8.2	8.4	8.6	Tốt	7.72	8.13	7.00	22.85	2.75	2.62	25.47	24.19	
217	NK.217	Bùi Diệu An	14/06/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.1	8.2	7.7	8.2	7.4	7.9	7.3	6.1	6.2	8.5	8.6	8.7	Khá	7.58	7.57	7.50	22.65	2.75	2.70	25.35	24.07	
218	NK.218	Nguyễn Thị Thuý Anh	30/04/2008	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK													Tốt	7.50	8.75	9.75	26.00	0.75	0.40		26.40	
219	NK.219	Bùi Thị Ngọc Anh	17/06/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	5.2	5.9	5.8	6.3	7.0	7.7	5.0	5.3	6.3	6.8	6.2	7.8	Khá	6.32	6.23	7.25	19.80	2.75	2.75	22.55	21.27	
220	NK.220	Nguyễn Văn Anh	06/09/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6.2	6.5	6.4	6.5	7.6	7.7	6.4	6.6	7.6	6.9	8.5	8.6	Khá	6.82	7.43	5.75	20.00	2.75	2.75	22.75	21.47	
221	NK.221	Hà Quỳnh Anh	02/09/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Khá	8.00	8.10	7.50	23.60	0.75	0.64		24.24	
222	NK.222	Bùi Nguyễn Lan Anh	03/02/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Khá	7.25	6.50	5.50	19.25	2.75	2.75		22.00	
223	NK.223	Đình Bùi Hiền Anh	05/09/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK													Khá	6.50	6.00	6.75	19.25	2.75	2.75		22.00	
224	NK.224	Đình Thị Ngọc Bích	10/07/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Khá	7.50	5.25	6.50	19.25	2.75	2.75		22.00	
225	NK.225	Bùi Thị Bảo Chân	04/08/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	8.0	8.0	7.1	7.3	7.6	7.7	6.6	7.1	6.5	7.9	7.7	7.8	Khá	7.62	7.27	7.25	22.13	2.75	2.75	24.88	23.60	
226	NK.226	Hà Thị Huyền Chân	04/08/2007	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	7.0	7.2	7.7	7.2	6.7	6.5	5.4	5.3	5.4	5.2	6.5	6.9	Khá	7.05	5.78	5.00	17.83	2.75	2.75	20.58	19.30	
227	NK.227	Tạ Phương Chi	31/08/2001	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.6	6.3	6.5	6.9	6.5	7.7	7.9	8.3	8.0	7.3	7.3	7.1	Khá	6.92	7.65	7.00	21.57	0.00	0.00	21.57	20.29	
228	NK.228	Bùi Thị Kim Chi	26/03/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.6	7.4	8.2	8.3	8.1	8.2	8.6	7.7	7.7	7.4	7.4	8.8	Khá	7.97	7.93	6.75	22.65	2.75	2.70	25.35	24.07	
229	NK.229	Lương Nhật Chi	19/01/2006	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.2	6.7	6.2	7.3	7.3	8.1	6.0	6.2	6.0	5.9	5.0	8.2	Khá	6.97	6.22	6.50	19.68	2.00	2.00	21.68	20.40	
230	NK.230	Trần Khánh Chi	08/02/2008	M10	Toán, Tiếng Anh, NK	6.8	6.8	5.2	5.2	7.2	7.3	8.3	7.7	7.3	6.7	9.0	9.2	Tốt	6.42	8.03	6.00	20.45	0.75	0.75	21.20	19.92	
231	NK.231	Phạm Quỳnh Chi	23/02/2006	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	8.0	7.4	7.6	7.7	8.4	8.2	5.2	7.4	8.2	7.6	6.8	8.1	Khá	7.88	7.22							
232	NK.232	Xa Thị Hồng Chiêm	21/10/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	5.9	5.9	6.9	6.7	6.7	6.6	5.9	5.3	7.0	7.7	6.9	7.3	Khá	6.45	6.68	6.50	19.63	2.75	2.75	22.38	21.10	
233	NK.233	Bùi Anh Chúc	15/12/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.8	6.9	7.4	7.5	7.1	7.4	7.5	7.8	6.9	8.6	8.4	7.8	Khá	7.18	7.83	8.25	23.27	2.75	2.47	25.74	24.46	
234	NK.234	Bùi Thị Huyền Diệu	07/07/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5.6	5.3	5.6	6.5	6.0	6.6	6.4	7.9	7.1	7.1	7.0	7.1	Khá	5.93	7.10	5.50	18.53	2.75	2.75	21.28	20.00	
235	NK.235	Bùi Thị Huyền Diệu	07/08/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.8	8.1	8.4	8.4	8.9	8.6	6.4	7.6	7.1	7.4	7.7	8.1	Khá	8.37	7.38	9.00	24.75	2.75	1.93	26.68	25.45	
236	NK.236	Nguyễn Phương Dung	01/04/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.0	7.1	7.5	7.5	7.5	7.8	7.1	7.0	7.0	7.7	7.1	6.5	Khá	7.40	7.07	5.50	19.97	0.75	0.75	20.72	19.44	
237	NK.237	Bùi Thị Anh Dương	27/03/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5.9	7.2	6.7	7.1	7.0	6.6	7.3	7.1	6.8	6.9	7.3	7.7	Khá	6.97	7.18	5.25	19.40	2.75	2.75	22.15	20.87	
238	NK.238	Hoàng Hồng Hà	11/10/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6.1	6.3	7.3	7.0	7.2	7.0	6.1	6.6	7.2	7.0	7.0	7.2	Khá	6.82	6.85	7.00	20.67	0.75	0.75	21.42	20.14	
239	NK.239	Hà Thị Thu Hà	24/05/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5.9	6.1	7.0	7.0	7.6	7.5	6.8	7.1	6.1	5.2	7.9	6.5	Khá	6.73	6.60	6.50	19.83	2.75	2.75	22.58	21.30	
240	NK.240	Hà Kim Hạnh	30/11/2007	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6.5	7.0	7.0	7.7	7.5	7.7	7.4	7.8	7.4	7.6	8.1	8.5	Khá	7.23	7.80	7.75	22.78	0.75	0.72	23.51	22.23	
241	NK.241	Nguyễn Thu Hào	26/11/2007	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	4.6	5.5	6.3	5.5	5.9	6.0	6.1	6.8	7.0	6.7	7.0	6.5	Khá	5.63	6.68	5.00	17.32	0.75	0.75	18.07	13.66	
242	NK.242	Đình Thu Hoài	01/09/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Khá	6.75	5.35	6.75	18.85	2.75	2.75		21.60	
243	NK.243	Bùi Thị Bách Hợp	01/09/2008	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	7.4	7.3	8.0	7.3	8.4	8.2	5.0	6.0	6.6	7.2	7.1	7.3	Khá	7.77	6.53	6.75	21.05	2.75	2.75	23.80	22.52	
244	NK.244	Bùi Minh Huệ	05/05/2008	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	7.0	6.5	6.1	6.8	6.8	7.4	7.2	7.1	6.9	7.6	6.4	7.3	Khá	6.93	7.08	7.50	21.51	2.75	2.75	24.26	22.98	
245	NK.245	Nguyễn Mai Hương	23/09/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	7.0	7.0	7.0	7.5	8.4	8.2	7.0	8.4	7.5	8.2	8.3	8.2	Tốt	7.52	7.93	6.75	22.20	2.75	2.75	24.95	23.67	
246	NK.246	Bùi Thị Thu Hương	15/11/2006	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6.2	6.8	6.7	6.8	6.9	6.8	5.1	7.4	7.4	7.4	6.6	6.9	Khá	6.70	6.80	6.50	20.00	2.00	2.00	22.00	20.72	

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT												Điểm ưu tiên (Khu vực + Đối tượng)	Điểm ưu tiên (Đã tính học bạ)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú						
						K1 - M1 - Lớp 10	K2 - M1 - Lớp 10	K1 - M1 - Lớp 11	K2 - M1 - Lớp 11	K1 - M1 - Lớp 12	K2 - M1 - Lớp 12	K1 - M2 - Lớp 10	K2 - M2 - Lớp 10	K1 - M2 - Lớp 11	K2 - M2 - Lớp 11	K1 - M2 - Lớp 12	K2 - M2 - Lớp 12					KQ HT lớp 12	Điểm TBC Môn	Điểm TBC Môn	Điểm thi năng khiếu	Tổng điểm 3 môn	
247	NK.247	Bàn Thị Lê	26/01/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,7	7,1	7,3	7,6	8,1	8,2	7,3	7,9	7,4	8,1	8,7	8,7	Tốt	7,50	8,02	6,75	22,27	2,75	2,75	25,02	23,74	
248	NK.248	Bùi Thị Thu	09/09/2007	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	7,3	7,3	7,0	7,3	7,6	7,1	7,1	8,6	6,7	7,1	8,5	8,3	Khả	7,27	7,72	5,75	20,73	2,75	2,75	23,48	22,20	
249	NK.249	Bùi Thị Khanh	01/06/2007	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	7,3	6,4	6,8	6,8	6,4	6,4	6,6	6,7	6,6	7,2	8,8	8,4	Khả	7,03	7,38	7,00	21,42	2,75	2,75	24,17	22,89	
250	NK.250	Vũ Thu	13/04/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	7,2	7,5	6,4	6,5	8,2	8,5	7,7	8,8	8,6	7,5	8,8	8,8	Tốt	7,38	8,37	6,00	21,75	2,75	2,75	24,50	23,22	
251	NK.251	Đinh Kiều	05/11/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6,8	6,9	6,7	7,0	7,4	7,3	6,1	6,7	7,0	7,5	7,9	8,2	Khả	7,02	7,23	6,00	20,25	2,75	2,75	23,00	21,72	
252	NK.252	Bùi Thị Ngọc	17/10/2007	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	7,5	6,7	6,8	7,0	7,9	7,3	5,4	7,7	7,6	7,5	7,4	7,5	Khả	7,20	7,18	5,50	19,88	2,75	2,75	22,63	21,35	
253	NK.253	Bùi Hương	03/09/2005	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,2	6,6	6,6	6,4	7,1	6,3	5,7	6,6	5,3	5,5	6,8	7,2	Khả	6,53	6,18	6,25	18,97	2,00	2,00	20,97	19,69	
254	NK.254	Bùi Thị Kim	25/11/2007	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	4,8	5,5	6,6	5,8	5,9	6,5	6,1	6,8	6,8	8,6	6,8	7,8	Khả	5,85	7,15	7,00	20,00	2,75	2,75	22,75	21,47	
255	NK.255	Đường Thông	27/01/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,6	7,1	7,4	7,7	7,3	7,7	7,1	7,0	6,3	6,6	8,4	7,4	Khả	7,30	7,13	6,50	20,93	2,75	2,75	23,68	22,40	
256	NK.256	Lò Thị Thùy	28/08/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,1	7,5	7,7	7,9	6,6	7,1	6,9	6,6	6,9	7,3	7,5	8,1	Khả	7,32	7,22	7,25	21,78	2,75	2,75	24,53	23,25	
257	NK.257	Trần Khanh	27/07/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,8	6,6	7,6	8,0	8,4	8,1	6,8	7,4	8,0	7,1	7,0	7,9	Khả	7,75	7,37	6,00	21,12	0,75	0,75	21,87	20,59	
258	NK.258	Bùi Thị Châu	23/07/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Tốt	6,00	9,00	8,75	23,75	2,75	2,29	26,04	26,04	
259	NK.259	Bùi Thị	15/02/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	7,0	6,8	7,2	7,7	7,0	8,1	6,1	6,4	7,7	8,1	8,1	8,2	Khả	7,30	7,43	7,25	21,98	2,75	2,75	24,73	23,45	
260	NK.260	Quyết Hà	21/03/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													Khả	7,50	6,25	9,50	23,25	0,75	0,68	23,93	23,93	
261	NK.261	Thái Hoàng	03/11/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,1	7,7	8,1	8,2	8,1	8,2	7,4	7,0	8,5	8,5	8,2	8,1	Tốt	7,90	7,95	9,75	25,60	0,75	0,44	26,04	24,76	
262	NK.262	Nguyễn Hiền	06/05/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,6	6,6	5,8	6,3	6,8	7,2	4,3	5,3	5,9	6,7	7,6	7,4	Khả	6,55	6,20	6,00	18,75	0,75	0,75	19,50	18,22	
263	NK.263	Hà Thị Khanh	26/10/2006	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6,1	6,1	5,0	5,6	6,8	7,4	5,5	5,1	5,3	7,2	5,9	6,8	Khả	6,17	5,97	7,50	19,63	2,00	2,00	21,63	20,35	
264	NK.264	Bùi Cẩm	09/02/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,6	6,8	7,2	7,2	7,3	6,9	6,8	7,0	6,5	8,1	7,4	7,4	Khả	7,00	7,20	6,50	20,70	2,75	2,75	23,45	22,17	
265	NK.265	Bùi Thị Tuyết	30/09/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6,0	6,7	6,6	7,7	6,2	6,8	5,9	6,3	6,0	6,9	6,9	7,3	Khả	6,67	6,55	7,50	20,72	2,75	2,75	23,47	22,19	
266	NK.266	Phạm Bùi Thanh	05/02/2008	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	5,9	5,6	6,0	4,6	5,1	6,1	6,9	5,2	5,3	5,0	7,5	7,8	Khả	5,55	6,28	5,50	17,33	2,75	2,75	20,08	18,80	
267	NK.267	Bùi Thị Huyền	12/02/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK													Khả	0,00	0,00							
268	NK.268	Bùi Thị Hoài	04/12/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,1	6,0	5,6	5,9	6,8	6,8	6,4	5,2	6,5	5,9	8,6	7,9	Khả	6,48	6,75	5,50	18,73	2,75	2,75	21,48	20,20	
269	NK.269	Bùi Thảo	27/10/2008	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	8,0	8,0	8,2	7,4	8,1	7,9	7,2	6,9	8,2	8,1	8,4	8,4	Tốt	7,93	7,87	6,50	22,30	2,75	2,75	25,05	23,77	
270	NK.270	Bùi Trà	31/10/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6,8	6,9	6,2	6,8	6,6	7,1	8,1	7,4	5,5	6,6	6,6	7,9	Khả	6,73	7,02	7,00	20,75	2,75	2,75	23,50	22,22	
271	NK.271	Vũ Thị Lệ	25/09/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	7,3	7,0	6,5	6,8	7,3	7,4	6,5	8,3	8,2	8,1	8,0	8,0	Khả	7,05	7,85	6,50	21,40	2,75	2,75	24,15	22,87	
272	NK.272	Xa Kiều	28/05/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6,2	7,0	6,9	6,8	6,8	7,3	6,5	7,2	6,6	8,1	7,3	7,8	Khả	6,83	7,25	8,75	22,83	2,75	2,63	25,46	24,18	
273	NK.273	Hà Thị Kim	01/10/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,1	6,5	6,3	6,8	7,2	7,5	5,0	6,1	7,8	6,8	6,7	6,7	Khả	6,73	6,53	5,00	18,27	2,75	2,75	21,02	19,74	
274	NK.274	Lương Thị	28/05/2007	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	7,7	6,9	6,5	6,8	6,7	6,7	5,9	6,3	7,1	7,3	7,8	7,2	Khả	6,88	6,93	7,25	21,07	2,75	2,75	23,82	22,54	
275	NK.275	Bùi Thị Thanh	10/12/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,4	6,1	7,6	6,5	7,5	7,8	6,9	5,9	5,7	6,4	7,0	6,4	Khả	6,98	6,38	7,00	20,37	2,75	2,75	23,12	21,84	
276	NK.276	Nguyễn Ánh	21/09/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,7	7,6	8,2	7,9	7,3	7,7	5,9	7,1	7,7	8,1	8,6	8,2	Khả	7,67	7,60	6,00	21,27	0,75	0,75	22,02	20,74	
277	NK.277	Hà Thị Yên	30/08/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,9	8,1	7,5	7,2	6,6	7,6	6,3	7,3	8,2	7,3	6,9	7,5	Khả	7,48	7,25	6,00	20,73	2,75	2,75	23,48	22,20	
278	NK.278	Nguyễn Thị Trang	25/02/2001	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6,8	7,0	7,6	7,9	8,1	8,2	6,8	9,3	8,4	9,7	8,8	9,1	Giỏi	8,14	8,68	9,00	25,83	0,00	0,00	25,83	24,55	
279	NK.279	Hà Kim	19/10/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,8	7,4	7,1	7,3	8,1	8,1	8,3	7,9	8,3	8,5	8,1	8,4	Khả	7,86	8,25	6,75	22,86	2,75	2,62	25,48	24,20	
280	NK.280	Bùi Lan	04/08/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,8	7,3	8,4	8,4	8,3	8,8	7,5	7,8	8,1	8,2	8,1	8,3	Khả	8,15	8,00	6,00	22,15	2,75	2,75	24,90	23,62	
281	NK.281	Bùi Yên	14/12/2008	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK													Tốt	5,75	8,00	6,00	19,75	2,75	2,75		22,50	
282	NK.282	Trần Hồng	02/06/2008	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6,8	7,1	7,5	7,8	7,1	7,2	5,6	6,4	7,4	7,2	7,9	8,0	Khả	7,25	7,08	6,75	21,08	0,75	0,75	21,83	20,55	

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT												Điểm TBC Môn 1	Điểm TBC Môn 2	Điểm thi năng khiếu	Tổng điểm 3 môn	Điểm ưu tiên (Khu vực + Đợt tương đương)	Điểm ưu tiên (Đã tính quy đổi)	Tổng điểm xét tuyển học bạ	Tổng điểm xét tuyển điểm thi THPT	Ghi chú					
						K1- M1- Lớp 10	K2- M1- Lớp 10	K1- M1- Lớp 11	K2- M1- Lớp 11	K1- M1- Lớp 12	K2- M1- Lớp 12	K1- M2- Lớp 10	K2- M2- Lớp 10	K1- M2- Lớp 11	K2- M2- Lớp 11	K1- M2- Lớp 12	K2- M2- Lớp 12										KQ HT lớp 12				
283	NK.283	Bùi Minh	Quỳnh	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK															Khả	8,00	6,25	6,25	20,50	2,75	2,75		23,25			
284	NK.284	Nguyễn Băng	Tâm	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	5,4	6,1	6,0	6,7	7,3	7,4	6,6	6,1	6,7	7,7	8,3	7,9	7,9	Khả	6,85	7,22	5,75	19,82	0,75	0,75	20,57	19,29				
285	NK.285	Bùi Phương	Thảo	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	7,2	6,7	6,1	6,8	8,1	8,1	7,4	6,3	7,7	7,0	8,1	7,9	7,9	Tốt	7,17	7,40										
286	NK.286	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thảo	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5,9	6,0	6,0	6,2	6,4	6,3	6,1	5,9	6,8	6,8	6,3	6,7	6,7	Khả	6,13	6,43	6,25	18,82	2,75	2,75	21,57	20,29				
287	NK.287	Quách Thanh	Thảo	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	5,7	6,9	5,6	5,8	6,0	6,3	8,1	7,6	6,2	7,6	7,9	7,7	7,7	Khả	6,05	7,52	7,25	20,82	2,75	2,75	23,57	22,29				
288	NK.288	Trịnh Phương	Thảo	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5,6	6,1	6,5	6,7	6,5	6,8	5,8	7,1	6,5	6,3	6,8	7,7	7,7	Khả	6,37	6,70	5,50	18,57	0,00	0,00	18,57	17,29				
289	NK.289	Bùi Thanh	Thảo	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK															Khả	7,25	7,35	6,25	20,85	2,75	2,75		23,60			
290	NK.290	Đinh Thị Bảo	Thoa	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	7,1	7,4	7,4	7,5	7,7	7,9	6,3	6,7	6,5	7,5	8,1	8,6	8,6	Khả	7,50	7,28	5,25	20,03	2,75	2,75	22,78	21,50				
291	NK.291	Bùi Thị Minh	Thu	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,4	6,9	5,5	6,2	7,0	7,4	7,1	6,8	7,1	7,2	8,3	7,7	7,7	Khả	6,57	7,37	6,25	20,18	2,75	2,75	22,93	21,65				
292	NK.292	Trịnh Thị Minh	Thu	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	5,6	6,8	4,7	6,4	6,4	7,7	5,1	5,3	6,1	8,0	7,2	7,4	7,4	Khả	6,27	6,52	5,50	18,28	2,75	2,75	21,03	19,75				
293	NK.293	Bùi Thị Huyền	Thư	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK															Khả	6,50	8,00	6,00	20,50	2,75	2,75		23,25			
294	NK.294	Trần Phương	Thuần	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,4	8,5	8,9	8,9	8,7	8,6	8,4	8,0	8,2	8,4	8,3	8,7	8,7	Tốt	8,50	8,33	6,00	22,83	0,75	0,72	23,55	22,27				
295	NK.295	Nguyễn Thị Thanh	Thương	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5,9	7,1	7,2	7,0	7,7	7,4	6,7	6,1	7,7	7,6	7,9	7,8	7,8	Khả	7,05	7,30	8,75	23,10	2,75	2,53	25,63	24,35				
296	NK.296	Hàng Y	Thủy	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,5	6,8	6,9	7,6	7,8	8,2	5,9	7,3	7,1	8,3	8,3	8,4	8,4	Tốt	7,30	7,55	8,75	23,60	1,25	1,07	24,67	23,39				
297	NK.297	Bùi Thị Thanh	Thủy	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	7,2	6,8	6,7	6,4	7,0	6,4	5,6	6,9	7,0	6,9	6,9	7,0	7,0	Khả	6,75	6,72	5,00	18,47	2,75	2,75	21,22	19,94				
298	NK.298	Nguyễn Xuân	Thủy	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5,7	5,1	6,1	6,5	6,2	7,4	6,4	6,8	6,3	7,1	7,2	6,6	6,6	Khả	6,17	6,73	6,50	19,40	0,75	0,75	20,15	18,87				
299	NK.299	Bùi Thị Phương	Thủy	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,6	6,5	7,0	7,3	7,4	7,6	7,6	7,4	7,4	8,2	8,2	7,3	7,3	Khả	7,38	7,68	6,50	21,56	0,75	0,75	22,31	21,03				
300	NK.300	Phạm Thị Thủy	Tiền	M10	Toán, Tiếng Anh, NK	6,8	6,5	6,9	7,1	8,2	7,6	6,5	7,0	7,8	7,8	7,5	8,2	8,2	Khả	7,18	7,47	8,50	23,15	0,75	0,69	23,84	22,56				
301	NK.301	Nguyễn Thủy	Trâm	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK															Khả	6,00	4,60	7,00	17,60	2,75	2,75		20,35			
302	NK.302	Lô Thị Thủy	Trang	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK															Khả	6,50	8,25	7,50	22,25	2,75	2,75		25,00			
303	NK.303	Bàn Thị	Trang	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,7	6,3	6,5	7,3	7,4	7,6	6,6	6,8	7,0	6,9	8,6	8,8	8,8	Tốt	6,97	7,45	6,50	20,92	2,75	2,75	23,67	22,39				
304	NK.304	Bùi Phương	Uyên	M07	Ngữ Văn, Địa Lý, NK	6,5	7,5	6,4	5,9	6,0	6,7	5,4	5,1	6,1	5,6	6,9	7,4	7,4	Khả	6,50	6,08	5,50	18,08	2,75	2,75	20,83	19,55				
305	NK.305	Hà Phương	Uyên	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,6	6,7	7,0	6,9	7,1	6,9	5,7	5,6	7,1	6,9	7,6	7,0	7,0	Khả	6,87	6,65	6,00	19,52	2,75	2,75	22,27	20,99				
306	NK.306	Xa Kiều	Vân	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK															Khả	7,00	6,85	7,00	20,85	2,75	2,75		23,60			
307	NK.307	Bùi Thị Khánh	Vân	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,2	5,7	6,1	5,8	6,5	7,2	5,6	6,9	5,9	7,2	6,0	7,0	7,0	Khả	6,43	6,43	6,75	19,61	2,75	2,75	22,36	21,08				
308	NK.308	Bùi Thị Yên	Vy	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6,4	7,0	6,2	6,6	7,2	7,8	7,5	6,8	7,8	7,1	9,3	8,6	8,6	Khả	6,87	7,85	6,75	21,47	2,75	2,75	24,22	22,94				
309	NK.309	Hà Thị Thu	Xuân	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7,3	8,1	8,1	8,0	7,8	8,3	7,8	7,9	8,2	8,2	8,4	8,6	8,6	Tốt	7,93	8,18	8,00	24,12	2,75	2,16	26,27	24,99				
310	NK.310	Nguyễn Hải	Yên	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK															Tốt	7,50	7,25	7,00	21,75	0,75	0,75		22,50			

Danh sách gồm 310 thí sinh.
 Bao gồm 271 thí sinh sử dụng PTXT điểm KQHT cấp THPT, 39 thí sinh sử dụng PTXT điểm thi tốt nghiệp THPT

Phụ Table ngày 10 tháng 8 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

 Nguyễn Thị Lệ Hương